

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 4 - 2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Hà.

Ông Hà Mạnh Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; Sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn văn Q; Sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

(Vắng mặt không có lý do).

Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn văn Q đã được triệu tập xét xử lần thứ hai hợp lệ xong anh vẫn cố tình vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, bản tự khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn văn Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y (nay thị trấn Y), huyện B, tỉnh Hà Giang vào ngày 23/01/2000. Sau khi kết vợ chồng chung sống ban đầu hạnh phúc. Về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do anh Q thường xuyên rượu chè, cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn. Mặc dù chị C nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không chịu thay đổi, còn đánh đập, xúc phạm chị C. Hai bên gia đình nội, ngoại, trưởng thôn đã khuyên bảo hòa giải để hai vợ chồng quay lại đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện. Hơn nữa, vào khoảng năm 2016-2017, anh Q ngoại tình với người phụ nữ khác bị chị C phát hiện, trưởng thôn và công an viên đến gia đình hòa giải. Chị C đồng ý bỏ qua lỗi lầm của anh Q và tiếp tục chung sống. Đến khoảng năm 2019 thấy anh Q không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, chị C không chịu đựng được đã bỏ đi làm thuê ở Hải Phòng, và hai vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị C xác định không còn tình cảm với anh Q nên chị cương quyết ly hôn với anh Quang.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị C và anh Q có 02 con chung là Nguyễn Thị H sinh ngày 09/5/2000 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/10/2002. Các con đã trưởng thành đều trên 18 tuổi, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị và anh Q đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn văn Q tại biên bản lấy lời khai, và tại biên bản hòa giải tài liệu có trong hồ sơ anh Q trình bày:

Về thời gian xây dựng gia đình tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn, con chung là đúng như nguyên đơn chị C đã trình bày.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình: là do anh Q không có tiền trang trải cuộc sống hàng ngày nên nảy sinh mâu thuẫn, dẫn đến chị C đi làm thuê, khi về nhà vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn về sau chị C đòi ly hôn, anh Q thấy vợ chồng đã có tuổi nên không nhất trí ly hôn vì con cái đã lớn nhưng chưa xây dựng gia đình để khi các con lập gia đình còn có bố có mẹ. Anh Q thừa nhận anh có đi quan hệ với người phụ nữ khác nhưng anh đã xin lỗi chị C và đã được chị C tha thứ. Ngoài ra anh nghi ngờ khoảng đầu năm 2018 khi anh cùng các con về quê ăn Tết khi lên có nghe mọi người trong thôn nói chị C có quan hệ với người đàn ông khác. Hiện tại anh vẫn còn tình cảm với chị C nên không nhất trí ly hôn, đề nghị hòa giải cho chị C quay về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh và chị C đã tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng tại thôn B, thị trấn Y, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang xác định:

Trong quá trình chung sống anh Q và chị C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bắt đầu từ năm 2013, đã xảy ra đánh nhau do anh Q hay rượu chè cùng bạn bè, cờ bạc, bán trâu bò của gia đình để tiêu sài cá nhân. Khoảng năm 2016-2017, anh Q ngoại tình với một người phụ nữ khác, bị chị C phát hiện, mâu thuẫn vợ chồng đã được trưởng thôn và công an viên trực tiếp nhắc nhở, hòa giải để hai vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng không lập biên bản. Vợ chồng đã thống nhất bỏ qua mọi lỗi lầm cùng nhau chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khoảng năm 2018-2019, mâu thuẫn của hai vợ chồng lại phát sinh, nguyên nhân là do anh Q không hề thay đổi vẫn tiếp tục rượu chè, cờ bạc không tu chí làm ăn. Chị C quyết định bỏ đi làm thuê ở Hải Phòng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX vào nghị án Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên sau khi hoãn phiên tòa lần 1, thủ tục niêm yết từ 16 giờ 00 phút ngày 24/3/2021 đến ngày 8/4/2021 xét xử chưa đủ 15 ngày. Vi phạm khoản 3 Điều 179 BLTTDS.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, còn với bị đơn anh Nguyễn Văn Q chưa thực hiện đầy đủ theo quy định Điều 70, 72 BLTTDS. Vắng mặt không có lý do, nên đã phải hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2 vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

- Về tài sản chung, công nợ chung: các đương tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự trong vụ án “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn anh Nguyễn văn Q có nơi cư trú tại huyện Bắc Mê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị C và anh Q không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên rượu chè, cờ bạc không tu chí làm ăn, và ngoại tình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được trưởng thôn, công an viên hòa giải đoàn tụ gia đình. Nhưng được một thời gian ngắn anh Q không hề thay đổi tiếp tục rượu chè, cờ bạc mâu thuẫn tiếp tục phát sinh làm cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Khoảng năm 2019, chị C đã bỏ nhà đi làm công ty ở Hải Phòng, từ đó hai vợ chồng đã sống ly thân nhau đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hòa giải khuyên giải hai bên quay lại đoàn tụ gia đình song phía chị C vẫn cương quyết xin ly hôn, anh Q không nhất trí. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C là phù hợp với quy định Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con Nguyễn Thị H, sinh ngày 09/5/2000 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/10/2002 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

3. Về con chung: Các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 04493, ngày 07/12/2020. Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Văn Thuận